TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2017/DSST
Ngày: 05-9-2017
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông: Nguyễn Mạnh Dũng;
Ông: Nguyễn Quang Liêu
- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tiên – Kiểm sát viên

Trong ngày 05 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 62/2017/TLST – DS ngày 11 tháng 5 năm 2017 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2017/QĐXXST – DS ngày 31 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đinh Quang S, sinh năm: 1960
Trú tại: Thôn 8, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước
- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Kim V, sinh năm: 1984
Trú tại: Thôn B, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27-4-2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn ông Đinh Quang S trình bày: Ngày 10-11-2016 tại nhà chị V, ông cho chị Trần Thị Kim V vay số tiền là 215.000.000đ. Ông và chị V hẹn đến ngày 10-12-2016 trả 100.000.000đ, số tiền còn lại hẹn trả trong tháng 4 năm 2017. Việc vay tiền

có làm giấy tờ. Đến hẹn trả nợ nhưng chị V không trả như thỏa thuận. Nay ông làm đơn này khởi kiện chị V yêu cầu chị V trả số tiền vay là 215.000.000đ. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, HĐXX thực hiện đúng các quy định về tố tụng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị V trả cho ông S số tiền gốc 215.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Kim V (là bị đơn) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Trần Thị Kim V.

[2] Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Quang S yêu cầu chị Trần Thị Kim V trả số tiền vay 215.000.000đ:

Vào ngày 10-11-2016 ông S cho chị V vay số tiền 215.000.000đ. Ông S và chị V thỏa thuận thời hạn trả như sau: Từ ngày vay đến Tết năm 2017 chị V trả 100.000.000đ, số tiền còn lại chị V trả trong tháng 4 năm 2017. Đến nay chị V không thực hiện theo thỏa thuận. Quá trình giải quyết vụ án ông S giao nộp cho Tòa án giấy vay tiền đề ngày 10-11-2016 (bút lục số 02). Theo nội dung biên bản về việc thu thập tài liệu, chứng cứ ngày 12 tháng 5 năm 2017 (bút lục số (11) Công an xã cho biết: Chị Trần Thị Kim V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương – Thôn B, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước. Tuy nhiên, hiện nay chị V đã bỏ đi khỏi địa phương, chưa làm thủ tục chuyển khẩu đi nơi khác. Do đó, Công an xã không biết hiện nay chị V sinh sống ở đâu. Căn cứ vào quy định tại điểm e khoản 1 Điều 193 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì việc chị V không có nơi cư trú ổn định được coi là cố tình giấu địa chỉ. Việc chị V vắng mặt coi như tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Như vậy, việc chị V vay tiền của ông S là có thật.

Theo nội dung giấy vay tiền đề ngày 10 tháng 11 năm 2016 ghi nhận: Ông S và chị V thỏa thuận thời hạn trả như sau: Từ ngày vay đến Tết năm 2017 chị V trả 100.000.000đ, số tiền còn lại chị V trả trong tháng 4 năm 2017. Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự quy định: "Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi

đến hạn..". Như vậy, bên vay tài sản vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu khởi kiện của ông S về việc trả số tiền vay 215.000.000đ là có cơ sở.

[3] Về án phí: Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016 quy định: "Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận" nên chị V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

Buộc bị đơn chị Trần Thị Kim V trả cho nguyên đơn ông Đinh Quang S số tiền vay là 215.000.000đ.

2/ Về án phí: Buộc bị đơn chị Trần Thị Kim V phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.375.000đ.

Chi cục Thi hành án huyện B, tỉnh Bình Phước hoàn trả lại cho nguyên đơn Đinh Quang S số tiền tạm ứng án phí là 5.375.000đồng theo biên lai thu tiền số 0021256 ngày 11 tháng 5 năm 2017.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 05-9-2017), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Đương sự;
- Lưu HS – DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh